

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-02-2024

V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thia.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Đây.

Bà Phước Thị Kim Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Đào Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Kim N, sinh năm 1991 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TCC, xã K S, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: ấp S V, xã Đ C, huyện D H, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Kim C, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TCC, xã K S, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị Kim N trình bày.

Chị và anh Kim C quen biết nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên chị và anh C tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh vào ngày 17/4/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại ấp Trà Cú C, xã Kim Sơn được một thời gian thì hai vợ chồng lên làm công ty tại tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống có 01 con chung tên Kim Văn S, sinh ngày 20/4/2018 do anh C đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, là do vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, bất đồng quan điểm sống, khi xảy mâu thuẫn gia đình hai bên cũng không quan tâm đến hai vợ chồng hàn gắn lại, chị xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C. Về con chung theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị yêu cầu được nuôi, nay chị xác định con chung hiện do anh C đang nuôi dưỡng nên chị đồng ý giao con chung tên Kim Văn S, sinh ngày 20/4/2018, cho anh C nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh C trình bày: Thống nhất trình bày của chị N về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, con chung và tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, nay anh xác định còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ anh. Về con có 01 con chung tên Kim Văn S, sinh ngày 20/4/2018, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự đã thống nhất được.

Về con chung: Chị Thạch Thị Kim N và anh Kim C thống nhất giao con chung tên Kim Văn S, sinh ngày 20/4/2018 cho anh Kim C nuôi dưỡng và chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị Kim N và anh Kim C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất được:

Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Kim N được ly hôn với anh Kim C. Anh C không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời

trình bày của các đương sự, nhận thấy: Chị N và anh C quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64 ngày 17/4/2014 là hôn nhân hợp pháp, sau cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị yêu cầu cầu được ly hôn với ông Kim Cót, con chung tên Kim Văn S, sinh ngày 20/4/2018 chị đồng ý giao cho anh C nuôi dưỡng, chị không dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của anh C không đồng ý ly hôn do còn thương vợ là không có căn cứ bởi sau khi chị N nộp đơn khởi kiện; Tòa án thụ lý mời hòa giải động viên để anh và chị N hàn gắn, nhưng chị N cương quyết ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 54, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Kim N được ly hôn với anh Kim C.

Về con chung: Giao cháu Kim Văn S, sinh ngày 20/4/2018 cho anh C nuôi dưỡng, Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Thạch Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với anh Kim C và tranh chấp con chung. Bị đơn anh Kim C, địa chỉ ấp TCC, xã K S, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Thạch Thị Kim N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân, chị Thạch Thị Kim N kết hôn với anh Kim C trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Châu, huyện

Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị N và anh C do Ủy ban nhân dân xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh cấp và chị N giao nộp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của chị N và anh C là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn giữa chị N và anh C xét thấy: Chị N và anh C thống nhất xác định vợ chồng thường xuyên cử cải với nhau và hiện nay hai vợ chồng đã ly thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh C là người thân của anh C và chị N đều xác định cuộc sống hôn nhân chị N và anh C có mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được. Xét mâu thuẫn giữa chị N, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu có tiếp tục kéo dài cũng không đem lại lợi ích cho chị N, anh C và con. Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận đúng theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Hiện con chung anh C đang nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án chị Thạch Thị Kim N và anh Kim C thống nhất giao con chung tên Kim Văn S, sinh ngày 20/4/2018 cho anh Kim C nuôi dưỡng. Để đảm bảo cho cuộc sống của con không bị thay đổi, do từ nhỏ đã sống với cha nên nghĩ giao con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng chị Thạch Thị Kim N không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị Kim N và anh Kim C thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Thạch Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56. 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Kim N về việc yêu cầu được ly hôn với anh Kim C.

Về hôn nhân: Chị Thạch Thị Kim N được ly hôn với anh Kim C.

Về con chung: Giao con chung tên Kim Văn S, sinh ngày 20/4/2018 cho anh Kim C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị Thạch Thị Kim N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Thạch Thị Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018364 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Chị Thạch Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị Kim N và anh Kim C vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Đây

Phước Thị Kim Huê

Thạch Thia